|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂNTỈNH QUẢNG TRỊ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2022/NQ-HĐND | *Quảng Trị, ngày  tháng   năm 2022* |

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Quy định một số nội dung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa**

 **trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2022-2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHÓA - KỲ HỌP THỨ**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12/6/2017;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;*

*Xét Tờ trình số: /TTr-UBND ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc đề nghị phê duyệt Nghị quyết hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2022-2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp...*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số nội dung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2022-2025.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện:

a) Hội đồng nhân dân tỉnh giao UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này. Trong quá trình thực hiện nếu có những vấn đề phát sinh, giao UBND tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

b) Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ủy ban Mặt trân tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên của Mặt trận và các tổ chức xã hội khác trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của mình giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 3**. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị Khóa ... Kỳ họp thứ .... thông qua ngày tháng năm 2022; có hiệu lực từ ngày.... tháng.... năm 2022 và thay thế Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của HĐND tỉnh Quảng Trị quy định chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, khởi doanh nghiệp tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2018-2021.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- UBTV Quốc hội; VPQH; Ban Công tác đại biểu;- Thủ tướng Chính phủ; VPCP;- Bộ Tài chính; Bộ KH&ĐT;- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;- Vụ Pháp chế - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;- Cục kiểm tra VB-Bộ Tư pháp;- TT Tỉnh ủy (Báo cáo); VP Tỉnh ủy;- TT HĐND tỉnh; Đoàn ĐBQH tỉnh;- Đại biểu HĐND tỉnh;- UBND tỉnh; UBMTTQVN tỉnh;- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;- VP UBND tỉnh (đăng công báo);- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;- Báo Quảng Trị; Đài PT-TH tỉnh;- Lưu: VT. | **CHỦ TỊCH** |

|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN****TỈNH QUẢNG TRỊ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**QUY ĐỊNH**

 **một số nội dung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa**

 **trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2022-2025**

*(Kèm theo Nghị quyết số ....../2022/NQ-HĐND ngày tháng năm 2022 của HĐND tỉnh Quảng Trị)*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

a. Quy định này quy định đối tượng, nguyên tắc, nội dung, nguồn lực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) theo quy định của Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và các nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

b. Những nội dung hỗ trợ DNNVV không quy định tại Quy định này được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Đối tượng áp dụng

Doanh nghiệp được thành lập tại địa bàn tỉnh Quảng Trị (bao gồm cả chi nhánh các doanh nghiệp đăng ký hoạt động tại địa bàn tỉnh), tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, đáp ứng các tiêu chí theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Luật Hỗ trợ DNNVV, Điều 5 Nghị định 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ DNNVV.

**Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ**

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa và Điều 4 Nghị định 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ.

2. Doanh nghiệp có tổng số điểm theo tiêu chí sắp xếp ưu tiên lớn hơn theo Điều 3 quy định này được ưu tiên hỗ trợ trước.

**Điều 3. Tiêu chí sắp xếp ưu tiên DNNVV được hỗ trợ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí** | **Mức điểm** |
| 1 | Doanh nghiệp siêu nhỏ | 1.5 |
| 2 | Doanh nghiệp nhỏ | 1 |
| 3 | Doanh nghiệp vừa | 0.5 |
| 4 | Hoạt động trong lĩnh vực thuộc ngành nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư | 1 |
| 5 | Hoạt động trong lĩnh vực thuộc ngành nghề ưu đãi đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư | 0.5 |
| 6 | Doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ; doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ | 1 |
| 7 | Là doanh nghiệp xã hội theo quy định của pháp luật | 1 |

**Chương II**

**NỘI DUNG HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA**

**Mục 1. HỖ TRỢ CÔNG NGHỆ, THÔNG TIN, TƯ VẤN VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC**

**Điều 4. Hỗ trợ công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa**

1. Nội dung hỗ trợ

a, Doanh nghiệp được hỗ trợ một phần kinh phí hợp đồng tư vấn giải pháp chuyển đổi số cho doanh nghiệp về quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ và chuyển đổi mô hình kinh doanh.

b, Doanh nghiệp được hỗ trợ một phần chi phí thuê, mua các giải pháp chuyển đổi số để tự động hóa, nâng cao hiệu quả quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ trong doanh nghiệp và chuyển đổi mô hình kinh doanh.

2. Định mức hỗ trợ

a, Hợp đồng tư vấn giải pháp chuyển đổi số: Hỗ trợ tối đa 60% giá trị hợp đồng tư vấn nhưng không quá 70 triệu đồng/hợp đồng/năm đối với doanh nghiệp nhỏ và không quá 120 triệu đồng/hợp đồng/năm đối với doanh nghiệp vừa.

b, Chi phí thuê, mua các giải pháp chuyển đổi số: Hỗ trợ tối đa 60% chi phí nhưng không quá 40 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp siêu nhỏ; không quá 70 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp nhỏ và không quá 120 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp vừa.

**Điều 5. Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực**

1. Hỗ trợ đào tạo về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp

a. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ chi phí tham gia các khóa đào tạo trực tiếp hoặc gián tiếp về khởi sự kinh doanh, quản trị doanh nghiệp. Nội dung đào tạo theo quy định của Thông tư 05/2019/TT-BKHĐT ngày 29 tháng 3 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa và các quy định khác có liên quan.

d, Định mức hỗ trợ:

- Đối với hình thức đào tạo trực tiếp: Hỗ trợ 100% tổng chi phí của một khóa đào tạo về khởi sự kinh doanh và tối đa 80% tổng chi phí của một khoá quản trị doanh nghiệp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; miễn học phí cho học viên của DNNVV thuộc địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, DNNVV do phụ nữ làm chủ, DNNVV sử dụng nhiều lao động nữ và DNNVV là doanh nghiệp xã hội khi tham gia khóa đào tạo quản trị doanh nghiệp.

- Đối với hình thức đào tạo trực tuyến: Miễn phí truy cập và tham gia các bài giảng trực tuyến có sẵn trên hệ thống đào tạo trực tuyến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Miễn phí tham gia các khoá đào tạo trực tuyến, tương tác trực tiếp với doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua các công cụ dạy học trực tuyến có sẵn ứng dụng trên các thiết bị điện tử thông minh của đối tượng được đào tạo (Zoom Cloud Meeting, Microsoft Teams, Google Classroom và các công cụ khác).

2. Hỗ trợ đào tạo nghề

a, Nội dung hỗ trợ:

- Hỗ trợ chi phí đào tạo cho người lao động của doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia các khóa đào tạo nghề có trình độ sơ cấp hoặc chương trình đào tạo dưới 3 tháng trở xuống.

b, Định mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% học phí của khóa học nhưng không quá 05 triệu đồng/người. Người lao động tham gia khóa đào tạo phải đáp ứng điều kiện đã làm việc tại doanh nghiệp nhỏ và vừa tối thiểu 6 tháng liên tục trước khi tham gia khóa đào tạo.

**Điều 6. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo**

1. Nội dung và định mức hỗ trợ tư vấn sở hữu trí tuệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ

a) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thủ tục xác lập, chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp;

b) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về xây dựng bản mô tả sáng chế, bản thiết kế kiểu dáng công nghiệp, bản thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp;

c) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn quản lý và phát triển các sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước nhưng không quá 70 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp;

d) Hỗ trợ tối đa 60% giá trị hợp đồng tư vấn xác lập chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở nước ngoài nhưng không quá 80 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

2. Nội dung và định mức hỗ trợ thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm, mô hình kinh doanh mới

a) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở nhưng không quá 30 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp và xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng nhưng không quá 70 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp;

b) Hỗ trợ tối đa 60% chi phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn, phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường nhưng không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp;

c) Hỗ trợ tối đa 60% chi phí thử nghiệm sản phẩm mới tại các đơn vị, tổ chức thử nghiệm sản phẩm hàng hóa nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp;

d) Hỗ trợ tối đa 60% giá trị hợp đồng tư vấn hoàn thiện sản phẩm mới, dịch vụ mới, mô hình kinh doanh mới, công nghệ mới nhưng không quá 70 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

3. Nội dung và định mức hỗ trợ công nghệ

Hỗ trợ tối đa 60% giá trị hợp đồng tư vấn tìm kiếm, lựa chọn, giải mã và chuyển giao công nghệ phù hợp với doanh nghiệp nhưng không quá 120 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

4. Nội dung và định mức hỗ trợ đào tạo, huấn luyện chuyên sâu

a) Hỗ trợ tối đa 60% chi phí tham gia các khoá đào tạo chuyên sâu trong nước cho học viên của doanh nghiệp về xây dựng, phát triển sản phẩm; thương mại hóa sản phẩm; phát triển thương mại điện tử; gọi vốn đầu tư; phát triển thị trường; kết nối mạng lưới khởi nghiệp với các tổ chức, cá nhân nghiên cứu khoa học nhưng không quá 10 triệu đồng/học viên/năm và không quá 03 học viên/doanh nghiệp/năm;

b) Hỗ trợ tối đa 60% chi phí tham gia các khoá đào tạo, huấn luyện chuyên sâu ngắn hạn ở nước ngoài nhưng không quá 60 triệu đồng/học viên/năm và không quá 02 học viên/doanh nghiệp/năm.

5. Nội dung và định mức hỗ trợ về thông tin, truyền thông, xúc tiến thương mại, kết nối mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo

a) Miễn phí tra cứu thông tin về hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn trong nước và quốc tế; các sáng chế, thông tin công nghệ, kết quả nghiên cứu khoa học; thông tin kết nối mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo, thu hút đầu tư từ các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo tại Cổng thông tin và các trang thông tin điện tử của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Hỗ trợ tối đa 60% giá trị hợp đồng tư vấn đăng ký thành công tài khoản bán sản phẩm, dịch vụ trên các sàn thương mại điện tử quốc tế nhưng không quá 140 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp;

c) Hỗ trợ tối đa 60% chi phí duy trì tài khoản trên các sàn thương mại điện tử trong nước và quốc tế nhưng không quá 70 triệu đồng/năm/doanh nghiệp và không quá 02 năm kể từ thời điểm doanh nghiệp đăng ký thành công tài khoản trên sàn thương mại điện tử;

d) Hỗ trợ chi phí thuê địa điểm, thiết kế và dàn dựng gian hàng, vận chuyển sản phẩm trưng bày, chi phí đi lại, chi phí ăn, ở cho đại diện của doanh nghiệp tham gia hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức trong nước và không quá 60 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức ở nước ngoài;

đ) Hỗ trợ tối đa 60% chi phí tham gia các cuộc thi quốc tế về khởi nghiệp sáng tạo nhưng không quá 50 triệu đồng/cuộc thi/năm/doanh nghiệp.

**Điều 7. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị**

1. Nội dung và định mức hỗ trợ đào tạo

a) Hỗ trợ tối đa 60% chi phí tổ chức khóa đào tạo nâng cao trình độ công nghệ, kỹ thuật sản xuất chuyên sâu tại doanh nghiệp nhưng không quá 60 triệu đồng/khoá/năm/doanh nghiệp;

b) Hỗ trợ tối đa 60% chi phí đào tạo cho học viên của doanh nghiệp khi tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu theo nhu cầu phát triển của ngành, chuỗi giá trị nhưng không quá 20 triệu đồng/học viên/năm và không quá 03 học viên/doanh nghiệp/năm.

2. Hỗ trợ nâng cao năng lực liên kết sản xuất và kinh doanh

a) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn đánh giá toàn diện năng lực của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị nhưng không quá 40 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp;

b) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn cải tiến, nâng cấp kỹ thuật chuyên sâu cho doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm cải thiện năng lực sản xuất, đáp ứng yêu cầu kết nối, trở thành nhà cung cấp của doanh nghiệp đầu chuỗi nhưng không quá 120 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

3. Nội dung và định mức hỗ trợ thông tin, phát triển thương hiệu, kết nối và mở rộng thị trường

a) Miễn phí tra cứu thông tin về các sự kiện kết nối với doanh nghiệp đầu chuỗi, quy trình tìm kiếm, xác định nhu cầu đặt hàng của các doanh nghiệp đầu chuỗi trên Cổng thông tin và các trang thông tin điện tử của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Miễn phí tra cứu thông tin về hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong nước và quốc tế thuộc lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trên Cổng thông tin và các trang thông tin điện tử của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

c) Hỗ trợ tối đa 60% giá trị hợp đồng tư vấn đăng ký thành công tài khoản bán sản phẩm, dịch vụ trên các sàn thương mại điện tử quốc tế nhưng không quá 120 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp;

d) Hỗ trợ tối đa 60% chi phí duy trì tài khoản trên các sàn thương mại điện tử trong nước và quốc tế nhưng không quá 60 triệu đồng/năm/doanh nghiệp và không quá 02 năm kể từ thời điểm doanh nghiệp đăng ký thành công tài khoản trên sàn thương mại điện tử quốc tế;

đ) Hỗ trợ chi phí thuê địa điểm, thiết kế và dàn dựng gian hàng, vận chuyển sản phẩm trưng bày, chi phí đi lại, chi phí ăn, ở cho đại diện của doanh nghiệp tham gia tại hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại nhưng không quá 60 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức trong nước và không quá 80 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức ở nước ngoài;

e) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thủ tục xác lập, chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước nhưng không quá 60 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp;

g) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn tìm kiếm thông tin, quảng bá sản phẩm, phát triển thương hiệu cụm liên kết ngành và chuỗi giá trị nhưng không quá 30 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

4. Hỗ trợ tư vấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng

a) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở nhưng không quá 20 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp; hợp đồng tư vấn xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng nhưng không quá 60 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp;

b) Hỗ trợ tối đa 60% chi phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường nhưng không quá 20 triệu đồng/năm/doanh nghiệp;

c) Hỗ trợ 100% chi phí cấp chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật nhưng không quá 30 triệu đồng/sản phẩm/năm/doanh nghiệp.

5. Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng

a) Hỗ trợ 100% chi phí thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa; chi phí chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng nhưng không quá 40 triệu đồng/năm/doanh nghiệp;

b) Hỗ trợ tối đa 60% chi phí đặt hàng các cơ sở, viện, trường để nghiên cứu thử nghiệm phát triển các sản phẩm, dịch vụ nhưng không quá 40 triệu đồng/năm/doanh nghiệp;

c) Hỗ trợ tối đa 60% chi phí sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nhưng không quá 60 triệu đồng/năm/doanh nghiệp.

**Điều 8.** Các quy định và nội dung hỗ trợ khác thực hiện theo quy định của Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa, Nghị định 80/2021/NĐ-CP này 26/8/2021 của Chính phủ và các quy định khác có liên quan.

**Chương III**

**KINH PHÍ THỰC HIỆN**

**Điều 9. Nguồn kinh phí thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa**

1. Kinh phí để thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được bố trí từ các nguồn sau:

a) Hằng năm, ngân sách tỉnh cân đối bố trí tối thiểu 3.000.000.000 (Ba tỷ) đồng để thực hiện chính sách hỗ trợ theo quy định này;

b) Kinh phí ngân sách Trung ương hỗ trợ DNNVV;

c) Nguồn kinh phí tài trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Cơ chế bố trí vốn hỗ trợ DNNVV:

Kinh phí bố trí từ Ngân sách Trung ương thực hiện hỗ trợ DNNVV theo định mức quy định tại Nghị định 80/2021/NĐ-CP này 26/8/2021 của Chính phủ. Kinh phí bố trí từ Ngân sách địa phương thực hiện hỗ trợ DNNVV theo định mức quy định tại Nghị quyết này./.